

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2023/DS-ST
Ngày: 29-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Dũng.

2. Ông Mai Văn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khoa Trung, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Diễm, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1945 và bà Lê Thị H, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ 11, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Văn S, sinh năm 1972; địa chỉ: đường Nguyễn Văn Cừ, khóm A1, thị trấn B1, huyện C, tỉnh An Giang (Giấy ủy quyền ngày 13/4/2022); có mặt.

Bị đơn: Bà Lê Thị Cẩm H, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 11, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn A, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969; cùng địa chỉ: tổ 11, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; đều vắng mặt.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng địa chỉ liên hệ: Cột điện 64, tổ 12, ấp A2, xã B2, huyện C2, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ họ hàng nên ông Đ, bà H nhiều lần cho bà H, ông A, bà N vay tiền. Cụ thể: Lần thứ nhất, vay 79.700.000 đồng + 3,5 chỉ vàng 18kara và 02 chỉ vàng 24kara, mục đích châu hụi và giải quyết công việc riêng, không có yêu cầu làm biên nhận, không tính lãi suất, khi nào có tiền trả; lần thứ hai, vay 50 triệu đồng, lãi suất 4%/tháng, có lập biên nhận ngày 25/01/2022 âm lịch do bà H ký tên, bà H đã trả lãi được 3 tháng là 6 triệu đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Theo đó, chỉ yêu cầu bà H trả cho ông Đ, bà H 50 triệu đồng vốn và tiền lãi tính từ ngày 13/4/2022 cho đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu, yêu cầu bà H trả cho ông Đ, bà H 50 triệu đồng vốn và tiền lãi tính từ ngày 26/02/2022 âm lịch (nhằm ngày 26/02/2022) cho đến ngày xét xử.

Ngày 06/4/2023, Ông Ngô Văn S đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã làm đơn rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn, theo đó chỉ yêu cầu bị đơn là bà Lê Thị Cẩm H trả lại số tiền 50 triệu đồng đã mượn của vợ chồng ông Đ, bà H và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất quy định phát sinh từ ngày 26/01/2022 cho đến khi vụ án được đưa ra xét xử.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2022, bà H có lời khai thống nhất với lời khai của nguyên đơn về khoản vay 50 triệu đồng, đã trả lãi được 3 tháng là 6 triệu đồng thì ngưng cho đến nay. Xin tiếp tục trả lãi, khi nào có khả năng sẽ trả vốn.

Ông A, bà N không cung cấp lời khai.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 07/4/2023, bà Nguyễn Thị Htrình bày: Bà có cho ông Đ, bà H vay 50 triệu đồng, lãi 2.000.000 đồng/tháng, có nghe ông Đ, bà H nói vay để cho Hồng vay lại, không biết Hồng là ai. Chưa có yêu cầu đối với ông Đ, bà H về khoản vay.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại phiên tòa, bà H, ông A, bà N vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Thẩm phán thực hiện thụ lý vụ án, xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H trả cho ông Đ, bà H 50 triệu đồng và tiền lãi theo

quy định pháp luật tính từ ngày 13/4/2022 đến ngày xét xử. Đình chỉ đối với yêu cầu bà H, ông A, bà N trả số tiền 79.700.000 đồng, 3,5 chỉ vàng 18kara và 2 chỉ vàng 24kara.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về vốn vay:

Căn cứ lời khai của ông Đ, bà H, bà H và tờ biên nhận ngày 25/01/2022 âm lịch có cơ sở xác định: Ngày 25/01/2022 âm lịch, ông Đ, bà H có cho bà H vay 50 triệu đồng với lãi suất 02 triệu đồng/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay. Việc giao kết hợp đồng vay tiền trên cơ sở tự nguyện, nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội, các bên tham gia đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Dù không thỏa thuận thời hạn thanh toán vốn vay nhưng quá trình vay, bà H chỉ trả lãi được 3 tháng là 6 triệu đồng thì ngưng cho đến nay, chưa trả vốn nên đã vi phạm nghĩa vụ. Vì vậy, ông Đ, bà H khởi kiện yêu cầu bà H trả vốn 50 triệu đồng và lãi là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về tiền lãi:

Việc bà H đã trả lãi cho ông Đ, bà H 4%/tháng x 50 triệu đồng, là cao hơn so với quy định, nên cần điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, là trường hợp các bên có thỏa thuận lãi suất và không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay.

Về thời gian xác định trả lãi, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 13/4/2022 (ngày khởi kiện) cho đến ngày xét xử. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 26/02/2022 cho đến ngày xét xử. Đây là yêu cầu vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Nên không xem xét yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi từ ngày 26/02/2022 đến ngày 12/4/2022, dành quyền khởi kiện cho nguyên đơn trong vụ án khác.

Như vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà H về việc yêu cầu bà H trả lãi: 14 tháng + 16 ngày (ngày 13/4/2022 đến 29/6/2023) x 20%/năm x 50 triệu đồng = 12.111.000 đồng.

Khấu trừ 6 triệu đồng tiền lãi bà H phải trả. Nên bà H có trách nhiệm trả cho ông Đ, bà H tiền lãi 6.111.000 đồng.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với ông A, bà N; rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà H về khoản vay 79.700.000 đồng, 3,5 chỉ vàng 18kara, 02 chỉ vàng 24kara. Nên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đ, bà H được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí sơ thẩm, bà H phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị H.

Buộc bà Lê Thị Cẩm H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị H tiền vốn 50.000.000 triệu (năm mươi triệu) đồng vốn vay và tiền lãi 6.111.000 (sáu triệu một trăm mười một nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[2] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị H về việc yêu cầu ông Lê Văn A, bà Nguyễn Thị N và bà Lê Thị Cẩm H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đ, bà H tiền vay 79.700.000 đồng, 3,5 chỉ vàng 18kara, 2 chỉ vàng 24kara và tiền lãi tính từ ngày 13/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị Cẩm H phải chịu 2.806.000 (hai triệu tám trăm linh sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Đ, bà H có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bà H, ông A, bà N là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt đúng quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND H. Tri Tôn (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS H. Tri Tôn (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Tâm